

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HS-ST

Ngày: 14-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Tấn Phú

Ông Phạm Quang Hà

Ông Điều Bách

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Hoàng Văn P, sinh năm 1969 (tên gọi khác: Không) tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Hoàng Văn L, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1944, gia đình bị cáo có bốn anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Minh P1, sinh năm 1975 và ba người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 09/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn P: Luật sư Vương Quốc Q, Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh B; Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chi cục Hải quan C; Trụ sở: Quốc lộ A, phường T, thị xã C, huyện C, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1979; Chức vụ: Đội trưởng Đội Tổng hợp Chi cục Hải quan C, có mặt;

- Ông Ứng Quốc S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Đường N, khu dân cư C, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, có đơn xin vắng mặt;

- Bà Ngô Thị Tuyết H, sinh năm 1989; Trú tại: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước, có đơn xin vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Minh P1, sinh năm 1975; Trú tại: Tổ B, khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước, có mặt.

- Ông Hoàng Ngọc D, sinh năm 1996; Trú tại: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh hạt điều nên Hoàng Văn P đã đăng ký thành lập Công ty TNHH MTV S1. Ngày 26/8/2016, Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty TNHH MTV S1 (Công ty S1), mã số doanh nghiệp: 3801130454, trụ sở tại số H, khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước, ngành nghề kinh doanh: Mua bán, xuất nhập khẩu nông sản, chế biến hạt điều xuất khẩu, do Hoàng Văn P là Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Từ năm 2016 Phi điều hành Công ty S1 thực hiện việc mua bán chế biến hạt điều nội địa (điều do người dân trong nước trồng thu hoạch đem bán). Đến tháng 02/2020 với ý định mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực xuất nhập khẩu nên P đã tìm hiểu qua bạn bè, tham khảo trên internet về loại hình nhập khẩu nguyên liệu hạt điều thô để sản xuất, xuất khẩu (loại hình E31), biết được muốn nhập khẩu hạt điều từ nước ngoài theo loại hình sản xuất xuất khẩu (E31) thì Công ty phải có đủ cơ sở vật chất về kho bãi, nhà xưởng, máy móc thiết bị, nhân công phục vụ sản xuất... Sau khi nhập khẩu hạt điều thô về phải tách vỏ lấy nhân và xuất khẩu ra nước ngoài, không được bán trong nước, số nguyên liệu này chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

Ngày 12/02/2020 Hoàng Văn P ký văn bản Thông báo cơ sở sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị và sản phẩm xuất khẩu gửi đến Chi cục Hải quan C nhằm mục đích nhập khẩu điều thô nguyên liệu từ nước ngoài về để sản xuất xuất khẩu. Đến ngày 12/3/2020, Chi cục Hải quan C có Kết luận kiểm tra cơ sở sản xuất số 241/KL-CT xác nhận Công ty S1 có đủ điều kiện thực hiện loại hình nhập khẩu nguyên liệu hạt điều thô để sản xuất xuất khẩu E31

Sau khi được cơ quan hải quan cho phép nhập khẩu hạt điều thô theo loại hình E31, trong thời gian từ ngày 09/4/2020 đến ngày 30/5/2020, P lấy tư cách pháp nhân Công ty S1 ký các hợp đồng mua bán và chuyển tiền đặt cọc với 03

công ty nước ngoài, gồm: Công ty O, địa chỉ: 7 STRAITS VIEW, MARINA ONE EAST TOWER, #20-01 SINGAPORE 018936; Công ty A, địa chỉ: P2, UNITED ARAB EMIRATES (Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất) và Công ty S2, địa chỉ: 8, ROBINSON ROAD, 07-00 ASO BUILDING, SINGAPORE 048544, để mua 1.099.949 kg hạt điều thô nguyên vỏ có xuất xứ từ các nước Bờ Biển N, N, G và Burkina F. Tổng trị giá quy đổi tương ứng tiền Việt Nam Đồng là 25.462.128.161 đồng. Khi hạt Điều thô nguyên liệu đã được đưa về đến Tân Cảng S (Thành phố Hồ Chí Minh) và I, P thông qua ngân hàng thu hộ thanh toán tiền mua hàng cho bên bán, đồng thời nhận bộ chứng từ liên quan đến lô hạt điều gồm: Hợp đồng mua bán, hóa đơn, Bill tàu.... Sau khi có hồ sơ mua bán hàng hoá (hạt điều thô), P thuê ông Ứng Quốc S, sinh năm 1986, chỗ ở: Đường N, khu dân cư C, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước làm dịch vụ hải quan nhập khẩu giúp P. P đã thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật, kiểm tra chất lượng hàng hóa, các thủ tục khai báo với Hải quan để được thông quan và ký các văn bản đề nghị đưa hàng hóa về bảo quản tại kho bãi của Công ty S1 và cam kết “Chịu trách nhiệm bảo quản đầy đủ hàng hóa và không tự ý sử dụng, tiêu thụ hàng hóa đến khi được cơ quan hải quan thông quan” với Chi cục Hải quan C để được đưa hàng hoá về kho của công ty.

Từ ngày 13/7/2020 đến ngày 18/9/2020 số hạt điều nhập khẩu được thông quan, vận chuyển đưa về bảo quản tại kho của Công ty S1 tại địa chỉ số H, khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Đồng thời, khi đưa hàng vào kho bảo quản thì P ký các thông báo hàng đã đưa hàng về đến đích gửi cho Chi cục Hải quan C. Sau đó, P cho công nhân sản xuất tách lấy nhân, sau khi sản xuất Phi mở 03 tờ khai xuất khẩu (theo loại hình E62) tại Chi cục C để xuất khẩu 53.008 kg nhân hạt Điều (tương đương 265.040 kg hạt Điều thô, theo định mức ấn định của hải quan là 05 kg điều thô nguyên liệu nhập khẩu sản xuất ra 01 kg điều nhân thành phẩm) với trị giá 4.202.749.440 đồng sang các quốc gia Mỹ và Trung Quốc.

Đối với số lượng hạt điều thô nguyên vỏ nhập khẩu còn lại 834.909 kg, trị giá 19.326.859.664 đồng thì P đã đưa vào sản xuất ra được 86.235,87 kg hạt điều nhân thành phẩm (tương ứng 431.179,25 kg hạt điều thô nhập khẩu). Trong thời gian này, do tình hình dịch bệnh Covid-19 phải giãn cách xã hội và P không tìm thêm được đối tác mua hàng để xuất khẩu nên P không sản xuất nữa mà trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020 P đã tự ý bán toàn bộ số lượng hạt điều nhập khẩu này gồm: hạt điều nhân thành phẩm chưa xuất khẩu 86.235,87 kg và hạt điều thô còn lại 403.729,75 kg cho một số người dân không rõ lai lịch trong, ngoài tỉnh Bình Phước và nhận tiền mặt trực tiếp khi bán hàng, không ghi chép sổ sách, chứng từ, không khai báo với cơ quan Hải quan. Tiền thu được P đã sử dụng chi trả cho các hoạt động của công ty, trả nợ vay ngoài xã hội và vay ngân hàng. Quá trình P bán số hạt điều nhập khẩu để xuất khẩu theo loại hình E31 nêu trên vợ P là bà Nguyễn Thị Minh P1, con trai P là Hoàng Ngọc D có tham gia trong việc cân hàng, thu tiền bán hàng rồi giao lại cho P quản lý, P không nói cho bà P1 và D biết là số hạt điều trên không được tiêu thụ nội địa nên bà P1, anh D không biết số hạt điều nhập khẩu này không được bán tiêu thụ trong

nước. P cũng không nói cho khách mua biết số lượng nhân hạt điều mà P bán cho họ có nguồn gốc từ hạt điều nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu. Đồng thời để che giấu hành vi vi phạm và đối phó với Cơ quan hải quan thì P đã cung cấp số liệu không đúng sự thật cho bà Ngô Thị Tuyết H là kế toán dịch vụ do P thuê để cập nhật số liệu báo cáo tài chính của Công ty S1 2020 và năm 2021 thể hiện số lượng hạt điều nhập khẩu nêu trên vẫn tồn kho để báo cáo cho Chi cục Hải quan C.

Cùng trong năm 2020, tại kho của Công ty S1 có tổng số hạt điều nhân nội địa sản xuất từ nguồn hạt điều thô nội địa thu mua được (cả tồn kho từ năm 2019 chuyển qua) là 267.330,83 kg. Từ ngày 14/3/2020 đến ngày 19/10/2020, Công ty S1 đã xuất bán cho 04 công ty trong nước được 265.431,50 kg hạt Điều nhân nội địa, có hóa đơn giá trị gia tăng. Còn tồn lại 1.899,34 kg hạt Điều nhân nội địa đến tháng 12/2020 do hạt điều bị xuống phẩm chất nên P đã bán thanh lý dạng phế phẩm cho một số cá nhân (không rõ nhân thân lai lịch) được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), khi bán không xuất hóa đơn bán hàng, không ghi chép sổ sách, không kê khai báo cáo thuế theo quy định.

Từ ngày 12/7/2021 đến ngày 30/7/2021, Cục Kiểm tra sau thông quan - T1 đã tiến hành kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Công ty S1. Quá trình kiểm tra thực tế phát hiện toàn bộ số hạt điều nhập khẩu không có tại kho Công ty như đã đăng ký với Hải quan, qua làm việc P đã thừa nhận trong năm 2020 do khó khăn về kinh tế, không tìm được đầu ra, cần tiền để trang trải nợ nần và chi phí sản xuất nên P đã chuyển tiêu thụ nội địa toàn bộ số hạt điều nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nêu trên. Quá trình làm việc với Đoàn kiểm tra sau thông quan, P cho rằng nếu khai nhận việc chuyển tiêu thụ nội địa đối với hạt điều nguyên vỏ nhập khẩu loại hình E31 nhưng có xuất hóa đơn khi bán hàng thì việc chuyển tiêu thụ nội địa số hạt điều loại hình E31 này sẽ chỉ nợ nhà nước thuế nhập khẩu và chỉ bị xử lý hành chính về thuế nên P căn cứ theo hóa đơn chứng từ bán hàng đối với số hạt điều có nguồn gốc nội địa với 03 Công ty trong nước để khai báo không đúng sự thật là số lượng hạt điều nhập khẩu loại hình E31 còn tồn trong năm 2020 đã sản xuất ra thành 169.566,60 kg hạt điều nhân thành phẩm và đã bán cho 03 Công ty trong nước, gồm: Công ty Cổ phần N1, Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH MTV S3.

*Căn cứ kết quả kiểm tra, Cục kiểm tra sau thông quan – T1 đã ban hành Kết luận số 1151 ngày 10/8/2021 xác định:

Số lượng hạt điều thô nguyên vỏ nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu (loại hình E31) trên hồ sơ Công ty khai báo Hải quan còn tồn là 834.909 kg nhưng thực tế không có tại thời điểm kiểm tra; Công ty đã thừa nhận bán tiêu thụ nội địa 834.909 kg hạt điều thô nguyên vỏ, trị giá là 19.326.860.096 đồng mà không khai báo hải quan.

Xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên ngày 22/12/2021, Cục kiểm tra sau thông quan - T1 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Buôn lậu”. Đến ngày 29/12/2020, Cục kiểm tra sau thông quan chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh B để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, P đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn, hối cải, việc P thực hiện hành vi phạm tội một phần vì không hiểu hết quy định của pháp luật và khó khăn trong hoạt động kinh doanh.

*Quá trình điều tra đã thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 04 (Bốn) quyển hóa đơn giá trị gia tăng do Cục T3 phát hành, gồm: Quyển số 000958 - năm 2016 đã sử dụng (Trong đó còn 78 hóa đơn có số thứ tự từ 047851 đến 047900; gồm: 14 số hóa đơn có đủ 03 liên và 36 số hóa đơn có liên 1); Quyển số 000104 - năm 2016 đã sử dụng (Trong đó còn 101 hóa đơn có số thứ tự từ 005151 đến 005200; gồm: 25 số hóa đơn có đủ 03 liên, 01 hóa đơn có 02 liên (Liên 1 và liên 2) và 24 số hóa đơn có liên 1; Quyển số 0000772 - năm 2017 đã sử dụng (Trong đó có 90 hóa đơn có số thứ tự từ 038551 đến 038600; gồm: 20 số hóa đơn có đủ 03 liên, và 30 số hóa đơn có liên 1) và Quyển số 0000127 - năm 2019 (Có 114 hóa đơn có số thứ tự từ 006301 đến 006350; gồm: 54 hóa đơn đã sử dụng (12 số hóa đơn có đủ 03 liên và 18 số hóa đơn còn lại có liên 1) và 20 số hóa đơn chưa sử dụng (60 hóa đơn) do Hoàng Văn P tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra.

- 08 bộ hồ sơ tờ khai nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu (E31); 03 bộ hồ sơ xuất khẩu (E62) do Hoàng Văn P cung cấp cho Đoàn kiểm tra sau thông quan của T1.

- Bản sao hồ sơ pháp lý, báo cáo tài chính, sổ sách chứng từ kế toán, Hóa đơn của Công ty S1 từ năm 2016 đến năm 2020 do Hoàng Văn P cung cấp cho Đoàn kiểm tra sau thông quan của T1.

- Sổ xuất – nhập – tồn (Sản phẩm, hàng hóa) năm 2020 của Công ty S1 và giấy xác nhận về việc doanh nghiệp tạm ngừng đăng ký kinh doanh năm. Phát hiện thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của bị cáo Hoàng Văn P.

- Số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Minh P1 là vợ của bị cáo Hoàng Văn P tự giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B để khắc phục hậu quả gây thất thu thuế nhập khẩu do hành vi phạm tội của bị cáo P gây ra. Hiện đang quản lý tại tài khoản tạm giữ số: 3949.0.9046903.00000 của Phòng Cảnh sát Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh B mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước.

- Phong tỏa số tiền: 27.876.471 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi một đồng) trong tài khoản: 050028091114, 050065157788 do Hoàng Văn P mở tại Ngân hàng S4 – Phòng G1 - Chi nhánh B theo Lệnh phong tỏa số 20 và số 21 ngày 12/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B.

Xác minh tài sản của Hoàng Văn P và Công ty S1: Quá trình điều tra xác định không có thông tin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty S1; Đối với Hoàng Văn P và vợ là Nguyễn Thị Minh P1 đã từng được cấp 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng cho 07 thửa đất tại thị xã P, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên có 01 thửa đất đã chuyển nhượng cho người khác từ năm 2018 và 06 thửa đất còn lại được thế chấp tại Ngân hàng M – Chi nhánh B từ năm 2017, do không

trả được nợ vay nên đã bị Ngân hàng M thực hiện phát mãi, chuyển nhượng cho người khác từ ngày 27/01/2021. Do đó hiện nay không có tài sản để kê biên nhằm đảm bảo thi hành án.

Đối với số hạt điều tang vật mà P đã chuyển tiêu thụ nội địa do P không ghi chép, không biết người mua là ai nên Cơ quan CSĐT không thu hồi được; còn số tiền bán hạt điều thu được thì P khai nhận đã sử dụng chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty S1, trả nợ vay ngoài xã hội và trả nợ vay ngân hàng, P hiện không xác định được số tiền thu được từ việc bán là bao nhiêu.

Cáo trạng số 03/CT-VKSBP-P1 ngày 11/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Văn P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn P tại Cáo trạng số 03/CT-VKSBP-P1 ngày 11/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “Buôn lậu”.

+ Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, g, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Buôn lậu”

+ Hình phạt bổ sung: Không.

+ Biện pháp tư pháp: Đối với lượng hạt điều thô nguyên vỏ nhập khẩu còn lại 834.909 kg, trị giá 19.326.859.664 đồng mà P đã chuyển tiêu thụ nội địa do P không ghi chép, không biết người mua là ai nên không thu hồi được. Tại phiên tòa, bị cáo P cung cấp các tài liệu xác định số tiền bán 834.909 kg hạt điều nhập khẩu được là 8.605.873.200đ (gồm bán 413.300kg giá 15.000đ/kg; bán 304.580kg giá 7.500đ/kg; bán 115.029kg điều hư hỏng với giá bán vỏ là 800đ/kg), số tiền bán được Phi trả nợ. Tuy không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho từng lần bán, nhưng xét về tình trạng hạt điều hư hỏng, tình hình dịch bệnh covid, so sánh với giá trị thực tế các lần P đã xuất khẩu cùng thời điểm ra nước ngoài (265.040kg được 4.202.479.440đ tương đương với 15.300đ/kg hạt điều chưa bóc vỏ) nên lời trình bày của P là phù hợp. Xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần chấp nhận xác định số tiền P bán 834.909 kg hạt điều nhập khẩu

được số tiền 8.605.873.200đ để truy thu là phù hợp. Đây là số tiền bán tang vật phạm pháp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước, khấu trừ số tiền 200.000.000đ vợ bị cáo P đã nộp khắc phục trước đó, và số tiền phong tỏa 27.876.471 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu đã thu giữ.

- Vấn đề khác:

+ Đối với Ứng Quốc S được P thuê làm dịch vụ khai báo Hải quan để nhập khẩu hạt điều theo loại hình sản xuất xuất khẩu, S thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hải quan, việc Phi tự ý chuyển tiêu thụ trong nội địa, không có sự trao đổi, bàn bạc gì với S. S không biết, không tham gia nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

+ Đối với Ngô Thị Tuyết H được P thuê làm kế toán dịch vụ cho Công ty S1, H chỉ tiếp nhận số liệu, tài liệu từ P để cập nhập sổ sách theo yêu cầu của P, việc P bán số hạt điều được nhập khẩu về để sản xuất xuất khẩu, H không biết và không tham gia vào quá trình P bán số hạt điều này nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

+ Đối với Nguyễn Thị Minh P1 và Hoàng Ngọc D là vợ và con của P. Quá trình P thực hiện bán nội địa số hạt điều có nguồn gốc nhập khẩu nêu trên có P1 và D có phụ giúp cân hạt điều nhưng P không nói cho P1, D biết là số hạt điều trên không được tiêu thụ nội địa. P1, D không biết số hạt điều này không được bán tiêu thụ ở trong nước nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

+ Đối với hành vi xuất bán 1.899,34 kg hạt điều nhân có nguồn gốc nội địa với giá 20.000.000 đồng của Hoàng Văn P, không xuất hóa đơn bán hàng, không ghi chép sổ sách, không kê khai nộp thuế theo quy định. Đối với 1.899,34 kg hạt điều nhân có nguồn gốc nội địa với giá 20.000.000 đồng của Hoàng Văn P, không xuất hóa đơn bán hàng, không ghi chép sổ sách, không kê khai nộp thuế theo quy định. Qua xác minh P và Công ty S1 chưa bị xử lý hành chính về thuế nên hành vi vi phạm này chưa đến mức để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT đã có văn bản đề nghị Chi cục Thuế khu vực P3 - B - P xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về thuế nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn P: Thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các điều khoản áp dụng đối với bị cáo P. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng bản thân bị cáo P là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có con nhỏ, mẹ già yếu, hành vi phạm tội của bị cáo do hiểu biết pháp luật về xuất nhập khẩu hạn chế, ảnh hưởng dịch bệnh covid 19, kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất, giảm số tiền truy thu, cho bị cáo cơ hội làm lại cuộc đời, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các Biên bản kiểm tra, biên bản xác minh, phù hợp lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp các nội dung kết luận cùng những vật chứng, tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

Trong quá trình kinh doanh, Hoàng Văn P là Giám đốc Công ty S1, được cấp phép nhập khẩu hạt điều thô sản xuất thành phẩm (hạt điều nhân) để xuất khẩu, dưới sự giám sát cơ quan hải quan, P nhận thức được việc nhập khẩu loại hình này không phải chịu thuế nhập khẩu, P cũng nhận thức rõ đối với hạt điều thô có xuất xứ từ các nước Bờ Biển N, N, G và Burkina F không được chuyển tiêu thụ nội địa nhưng P chỉ sản xuất, xuất khẩu một phần, số hạt điều thô còn lại 834.909 kg trị giá 19.326.859.663,82 đồng, P đã sản xuất được 86.235,87 kg hạt điều nhân (tương ứng 431.179,25kg hạt điều thô nhập khẩu). Từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020 do dịch bệnh covid, việc tìm đối tác mua khó khăn nên P đã tự ý chuyển tiêu thụ nội địa 86.235,87kg hạt điều nhân thành phẩm và 403.729,75 kg hạt điều thô vào thị trường nội địa mà không khai báo với cơ quan hải quan, không kê khai tờ khai hải quan mới, vi phạm Điều 60 Luật Hải quan; khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Điều 21 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Hành vi của Hoàng Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Hoàng Văn P là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi bị cáo thực hiện đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hải quan, quản lý ngoại thương, gây ảnh hưởng các hoạt động thương mại lành mạnh trong ngành điều Việt Nam nói chung và uy tín thương hiệu hạt điều Việt Nam trên thế giới nói riêng.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chuyển tiêu thụ nội địa đối với hạt điều thô nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu mà không khai báo hải quan là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả số tiền 200.000.000đ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khi tình hình dịch bệnh covid 19 bùng phát diễn biến kéo dài, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm b, g, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc bị cáo phạm tội một phần hiểu biết pháp luật về hải quan, xuất nhập khẩu còn hạn chế, thời điểm năm 2020 dịch covid bùng phát, giãn cách xã hội nên việc tìm các đối tác mua bán gặp khó khăn, thời điểm trên P phải trả nợ Ngân hàng, tiền mua hàng của nhiều người nên đã bán lỗ số hạt điều thô nhập khẩu nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng pháp luật đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, cần tịch thu tiền do bị cáo phạm tội mà có. Do bị cáo đã bán hạt điều cho nhiều người, việc mua bán không ghi chép sổ sách nên không xác định được P đã bán và thu được bao nhiêu tiền. Tại phiên tòa, bị cáo P khai rằng số tiền bán 834.909 kg hạt điều thô nhập khẩu được là 8.605.873.200đ gồm: bán 413.300kg giá 15.000đ/kg; bán 304.580kg giá 7.500đ/kg; bán 115.029kg điều hư hỏng với giá bán vỏ là 800đ/kg. Xét thấy, đối chiếu với 03 tờ khai hải quan mà P đã xuất khẩu cùng thời điểm trước đó 265.040kg được 4.202.479.440đ tương đương với 15.300đ/kg hạt điều thô thì lời trình bày tại phiên tòa của P là có cơ sở. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, xác định số tiền P bán 834.909 kg hạt điều nhập khẩu được 8.605.873.200đ. Đây là số tiền bị cáo phạm tội mà có nên cần tuyên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Được khấu trừ vào số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) do bà P1 là vợ của bị cáo Hoàng Văn P tự giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B, hiện đang quản lý tại tài khoản tạm giữ số: 3949.0.9046903.00000 của Phòng Cảnh sát Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh B mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước và số tiền 27.876.471đ (Hai mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi một đồng) trong tài khoản: 050028091114, 050065157788 do Hoàng Văn P mở tại Ngân hàng S4, Phòng G1, Chi nhánh B theo Lệnh phong tỏa số 20 và số 21 ngày 12/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B.

Số tiền còn lại bị cáo phải nộp khắc phục là 8.377.996.729đ.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 04 (Bốn) quyển hóa đơn giá trị gia tăng do Cục T3 phát hành, gồm: Quyền số 000958 - năm 2016 đã sử dụng (Trong đó còn 78 hóa đơn có số thứ tự từ 047851 đến 047900; gồm: 14 số hóa đơn có đủ 03 liên và 36 số hóa đơn có liên 1); Quyền số 000104 - năm 2016 đã sử dụng (Trong đó còn 101 hóa đơn có số thứ tự từ 005151 đến 005200; gồm: 25 số hóa đơn có đủ 03 liên, 01 hóa đơn có 02 liên (Liên 1 và liên 2) và 24 số hóa đơn có liên 1; Quyền số 0000772 - năm 2017 đã sử dụng (Trong đó có 90 hóa đơn có số thứ tự từ 038551 đến 038600; gồm: 20 số hóa đơn có đủ 03 liên, và 30 số hóa đơn có liên 1) và Quyền số 0000127 - năm 2019 (Có 114 hóa đơn có số thứ tự từ 006301 đến 006350; gồm: 54 hóa đơn đã sử dụng (12 số hóa đơn có đủ 03 liên và 18 số hóa đơn còn lại có liên 1) và 20 số hóa đơn chưa sử dụng (60 hóa đơn) do Hoàng Văn P tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra;

+ 08 bộ hồ sơ tờ khai nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu (E31); 03 bộ hồ sơ xuất khẩu (E62) do Hoàng Văn P cung cấp cho Đoàn kiểm tra sau thông quan của T1;

+ Bản sao hồ sơ pháp lý, báo cáo tài chính, sổ sách chứng từ kế toán, Hóa đơn của Công ty S1 từ năm 2016 đến năm 2020 do Hoàng Văn P cung cấp cho Đoàn kiểm tra sau thông quan của T1.

+ Sổ xuất – nhập – tồn (Sản phẩm, hàng hóa) năm 2020 của Công ty S1 và giấy xác nhận về việc doanh nghiệp tạm ngừng đăng ký kinh doanh năm. Phát hiện thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của bị cáo Hoàng Văn P.

[9] Đối với Ứng Quốc S là người được P thuê làm dịch vụ khai báo Hải quan để nhập khẩu hạt điều theo loại hình sản xuất xuất khẩu, S thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Hải quan. Việc P tự ý tiêu thụ trong nội địa, S không biết, không tham gia nên không xem xét xử lý.

Đối với Ngô Thị Tuyết H được P thuê làm kế toán dịch vụ cho Công ty S1, H chỉ tiếp nhận số liệu, tài liệu từ P cung cấp để cập nhập sổ sách kế toán theo yêu cầu của P, việc Phi tiêu thụ nội địa trái phép số hạt điều nhập khẩu về để sản xuất xuất khẩu, H không biết và không tham gia nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Minh P1 và Hoàng Ngọc D là vợ, con của P. Quá trình P thực hiện tiêu thụ nội địa trái phép số hạt điều có nguồn gốc nhập khẩu nêu trên, P1 và D có phụ giúp P cân hạt điều, nhưng P không nói cho P1, D biết

là số hạt điều trên không được tiêu thụ nội địa. P1 và D cũng không biết số hạt điều này không được bán tiêu thụ ở trong nước nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi xuất bán 1.899,34 kg hạt điều nhân có nguồn gốc nội địa với giá 20.000.000đ của P, không xuất hóa đơn bán hàng, không ghi chép sổ sách, không kê khai nộp thuế theo quy định. Do P và Công ty S1 chưa bị xử lý hành chính về thuế nên hành vi vi phạm này chưa đến mức để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT đã có văn bản đề nghị Chi cục Thuế khu vực P3 - B - P xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về thuế nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí hình sự:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “*Buôn lậu*”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, g, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P **07 (bảy) năm tù** về tội “*Buôn lậu*”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

3. Biện pháp tư pháp.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu của bị cáo Hoàng Văn P số tiền 8.605.873.200đ trị giá 834.909 kg hạt điều thô nhập khẩu mà bị cáo đã chuyển tiêu thụ nội địa trái phép để sung vào Ngân sách nhà nước.

Được khấu trừ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Minh P1 tự giao nộp, hiện đang quản lý tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.9046903.00000 của Phòng Cảnh sát Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh B mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước và số tiền 27.876.471đ (Hai mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi một đồng) trong tài khoản 050028091114, 050065157788 của Hoàng Văn P mở tại Ngân hàng S4, Phòng

G1, Chi nhánh B theo Lệnh phong tỏa số 20 và số 21 ngày 12/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Số tiền còn lại phải tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Hoàng Văn P là 8.377.996.729đ (tám tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng)

4. Về xử lý vật chứng:

- Lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 04 (Bốn) quyển hóa đơn giá trị gia tăng do Cục T3 phát hành, gồm: Quyển số 000958 - năm 2016 đã sử dụng (Trong đó còn 78 hóa đơn có số thứ tự từ 047851 đến 047900; gồm: 14 số hóa đơn có đủ 03 liên và 36 số hóa đơn có liên 1); Quyển số 000104 - năm 2016 đã sử dụng (Trong đó còn 101 hóa đơn có số thứ tự từ 005151 đến 005200; gồm: 25 số hóa đơn có đủ 03 liên, 01 hóa đơn có 02 liên (Liên 1 và liên 2) và 24 số hóa đơn có liên 1; Quyển số 0000772 - năm 2017 đã sử dụng (Trong đó có 90 hóa đơn có số thứ tự từ 038551 đến 038600; gồm: 20 số hóa đơn có đủ 03 liên, và 30 số hóa đơn có liên 1) và Quyển số 0000127 - năm 2019 (Có 114 hóa đơn có số thứ tự từ 006301 đến 006350; gồm: 54 hóa đơn đã sử dụng (12 số hóa đơn có đủ 03 liên và 18 số hóa đơn còn lại có liên 1) và 20 số hóa đơn chưa sử dụng (60 hóa đơn) do Hoàng Văn P tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra;

+ 08 bộ hồ sơ tờ khai nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu (E31); 03 bộ hồ sơ xuất khẩu (E62) do Hoàng Văn P cung cấp cho Đoàn kiểm tra sau thông quan của T1;

+ Bản sao hồ sơ pháp lý, báo cáo tài chính, sổ sách chứng từ kế toán, Hóa đơn của Công ty S1 từ năm 2016 đến năm 2020 do Hoàng Văn P cung cấp cho Đoàn kiểm tra sau thông quan của T1.

+ Sổ xuất – nhập – tồn (Sản phẩm, hàng hóa) năm 2020 của Công ty S1 và giấy xác nhận về việc doanh nghiệp tạm ngừng đăng ký kinh doanh năm. Phát hiện thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của bị cáo Hoàng Văn P.

5. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS – CA tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Bị cáo (1)
- Người bào chữa; (1)
- Người liên quan; (3)
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

Nguyễn Việt Hùng

Quá trình Cục kiểm tra sau thông quan – T1 kiểm tra xác định từ tháng ngày 18/01/2020 đến ngày 14/6/2020 ngoài hạt điều thô nhập khẩu, Công ty S1 có thu mua, sản xuất ra được 258.536,58kg hạt điều nội địa nhân thành phẩm, tính tồn của năm 2019 thì năm 2020 tại kho Công ty S1 có 267.330,83kg hạt điều nhân nội địa, số hạt điều này P đã bán cho 04 Công ty trong nước là Công ty Cổ phần N1, Công ty TNHH T2, Công ty TNHH MTV S3, Công ty TNHH O1 (có hóa đơn giá trị gia tăng), còn tồn lại 1.899,34kg P đã bán dạng phế phẩm không xuất hóa đơn, không kê khai thuế. Khi bị kiểm tra, P ước lượng số hạt điều thô nhập khẩu sản xuất ra, tương ứng số hạt điều thu mua nội địa đã bán cho 03 Công ty Cổ phần N1, Công ty TNHH T2, Công ty TNHH MTV S3 với tổng số hạt điều nhân thành phẩm là 169.566,60kg có xuất hóa đơn giá trị gia tăng vì nghĩ rằng nếu khai như vậy P chỉ nợ Nhà nước tiền thuế và bị xử lý hành chính. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng số hạt điều P bán cho 03 Công ty nêu trên có nguồn gốc hạt điều nội địa.